

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày 26-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý Thanh Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngư

Ông Nguyễn Văn Thuyết

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tôn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2023/TLST-HS, ngày 29 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị C** (tên gọi khác không), sinh ngày 08 tháng 10 năm 1989, tại Thái Nguyên;

Nơi cư trú: xóm Y2, xã Y, huyện P, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Hoàng Văn T1 (đã chết); con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1963.

- Chồng: Phạm Hữu C, sinh năm 1989; Con: có 02 (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2017).

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; (Có mặt)

Địa chỉ: xóm Y2, xã Y, huyện P, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị C là con dâu của bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963, hai mẹ con sống gần nhà nhau tại xóm Y2, xã Y, huyện P. Do biết được chỗ để chìa khóa nhà, chỗ để tiền của mẹ chồng. Khoảng 16 giờ ngày 22/09/2022, biết nhà bà B không có ai, cửa cổng và nhà không khóa, C nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản của bà B. C liền đi vào phòng khách nhà lấy chiếc chìa khóa để ở gầm bàn thờ rồi tiến đến mở cánh cửa tủ của kệ kê tivi lấy chiếc 01 chiếc ví bằng vải màu đen và 01 con lợn đất màu vàng là chỗ để tiền tiết kiệm, cho vào túi nilon, sau đó khóa, cất chìa khóa lại chỗ cũ. C mang tài sản vừa trộm cắp đến phía sau chuồng lợn nhà bà B, đập vỡ con lợn lấy toàn bộ số tiền mang về nhà mình cất giấu tại buồng tắm.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, C vào buồng tắm kiểm đếm số tiền đã trộm cắp được tổng cộng là 5.510.000 đồng, trong ví có 600.000 đồng, tiền ở lợn đất là 4.910.000 đồng, đến sáng hôm sau do sợ bị phát hiện trên đường đi làm C đã ném chiếc ví bằng vải đã trộm cắp xuống sông đoạn cầu Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên.

Buổi chiều ngày 22/9/2022 khi đi làm về bà B phát hiện bị mất trộm tài sản đã làm đơn trình báo Công an xã Y, huyện Phú Lương để làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường và thu giữ vật chứng, biên bản thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị C theo Cáo trạng số 17/CT-VKSPL ngày 28/3/2023. Sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố Nguyễn Thị C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề nghị đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định.

* Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không ai có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận ra lỗi lầm của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội và tội danh bị truy tố: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 22/09/2022 tại xóm Y2, xã Y, huyện Phú Lương, Nguyễn Thị C đã thực hiện hành vi trộm cắp của bà Nguyễn Thị B số tiền 5.510.000 đồng (*năm triệu năm trăm mười nghìn đồng*).

Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo Nguyễn Thị C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nội dung điều luật quy định.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng,...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Xét về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xã hội, nên phải xét xử bằng pháp luật hình sự và có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền bị cáo đã trộm cắp, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định là *“Người phạm tội tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả”*; *“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”*; *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* được quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại bà B xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo thấy rằng: bị cáo được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng nào, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt. Căn cứ Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ –HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly xã hội đối với bị cáo mà mở lượng khoan hồng, xử bị cáo mức án tù và cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường số tiền 5.510.000 đ (*năm triệu năm trăm mười nghìn đồng*) cho bị hại Nguyễn Thị B. Tại phiên tòa bà B không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án: 01 thùng niêm phong ký hiệu A2, bên trong có nhiều mảnh vỡ bằng xứ một mặt màu trắng một mặt màu vàng. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Theo quy định của Luật phí và lệ phí năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy B thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án bị hại bà B khai còn bị mất 01 nhẫn vàng 01 chỉ loại 9999 để trong ví vải màu đen, tuy nhiên bà B không cung cấp được hóa đơn, tài liệu về việc mua vàng. Bản thân bị cáo C khai nhận khi lấy tiền trong ví, không kiểm tra ví không biết có vàng, sau đó bị cáo đã ném xuống cầu Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên đến nay không thu giữ được vật chứng. Do vậy, không có căn cứ để xác định bị cáo C đã trộm cắp 01 chiếc nhẫn vàng ta loại 9999 của bà Nguyễn Thị B.

[11] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tại phiên tòa về mức hình phạt và những vấn đề khác là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. **Về hình phạt:** Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b,i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị C cho Ủy B nhân dân xã Y, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

*.Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) thùng niêm phong ký hiệu A2, bên trong có nhiều mảnh vỡ bằng xứ một mặt màu trắng một mặt màu vàng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 37/2023 ngày 12/04/2023 giữa Cơ quan Công an huyện Phú Lương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước;

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Công an huyện Phú Lương;
- UBND xã Y, huyện Phú Lương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thanh Tùng